

Bản án số: 18/2018/HS-ST
Ngày 02 - 4 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Nguyễn Phin

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Chu Văn Mốt;

Nghề nghiệp: Cán bộ;

Nơi công tác: Ban Dân tộc tỉnh Lạng Sơn.

Ông Trần Thanh Tịnh;

Nghề nghiệp: Giáo viên;

Nơi công tác: Trường Dân tộc Nội trú tỉnh Lạng Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Văn Bền – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Lùng Thị D, sinh ngày 06/3/2001 tại tỉnh Lào Cai;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã B, huyện M, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lùng Lìn T, sinh năm 1978 và bà Lù Thị V, sinh năm 1976 (bị cáo trong vụ án); chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/5/2017 đến nay. Có mặt.

2. Lù Thị V, sinh năm 1976 (Không rõ ngày, tháng) tại tỉnh Lào Cai;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã B, huyện M, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lù Chúng M1 (đã chết) và bà Dì Thị X, sinh năm 1941; có chồng: Lùng Lìn T, sinh năm

1978 và có 05 con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/5/2017 đến nay. Có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:*

1. Ông Đinh Công T1 – Luật sư văn phòng luật sư Đinh Công T1 bào chữa cho bị cáo Lùng Thị D. Có mặt.

2. Ông Nguyễn Tài H – Luật sư văn phòng luật sư N1 bào chữa cho bị cáo Lù Thị V. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 4/2017, Lùng Thị D tình cờ gặp gỡ, quen biết một người đàn ông tự giới thiệu tên là H1, khoảng 27 tuổi tại đường Quốc lộ khu vực trước cửa nhà của Lùng Thị D, qua nói chuyện Lùng Thị D và H1 cho nhau số điện thoại để liên lạc. Sau đó, H1 vài lần đến trước cửa nhà gọi điện thoại bảo Lùng Thị D ra để liên lạc. Tại đây, H1 nói hiện tại H1 đang có nguồn ma túy tổng hợp cần bán với số lượng 07 (bảy) túi ma túy dạng viên nén và bảo Lùng Thị D mua toàn bộ số ma túy của H1 đem lên thành phố L bán cho bạn của H1 tên là A – người Trung Quốc để kiếm lời. H1 thông báo giá tiền mua túy là 5.000.000đ/túi, tổng số tiền 07 túi là 35.000.000 đồng. Lùng Thị D đồng ý và hẹn H1 có gì sẽ điện thoại liên lạc với nhau, sau đó H1 đi về. Lùng Thị D về nhà kể lại toàn bộ câu chuyện bàn bạc việc mua bán ma túy với H1 cho mẹ là Lù Thị V biết và rủ mẹ cùng tham gia mua bán ma túy. Lùng Thị D bảo Lù Thị V đi vay tiền để Lùng Thị D cùng Lù Thị V đi mua ma túy với H1. Lù Thị V đồng ý và cho Lùng Thị D biết hiện tại đang có sẵn 10.000.000 đồng, chỉ cần vay thêm 25.000.000 đồng là đủ. Khoảng cuối tháng 5/2017, khi Lùng Thị D đang ngồi ở nhà cùng với Lù Thị V thì H1 gọi điện thoại cho Lùng Thị D hỏi tình hình, Lùng Thị D thông báo cho H1 biết là đã chuẩn bị đủ tiền, H1 cho Lùng Thị D biết đem ma túy lên tỉnh Lạng Sơn bán A sẽ trả 120.000đ/viên ma túy. H1 không nói rõ trong 07 túi có tổng bao nhiêu viên ma túy. Sau đó, H1 đọc số điện thoại của A cho Lùng Thị D là *****388 và dặn Lùng Thị D có gì A sẽ chủ động liên lạc với Lùng Thị D. H1 hẹn Lùng Thị D ngày 27/5/2017 sẽ thực hiện việc mua bán ma túy tại thành phố S, Lùng Thị D đồng ý. Quá trình Lùng Thị D và H1 nói chuyện qua điện thoại về việc mua bán ma túy Lù Thị V nghe rõ nội dung nhưng không nói gì.

Để có tiền đi mua ma túy như đã thống nhất với H1 trước đó, khoảng 07 giờ ngày 27/5/2017, Lù Thị V đem theo 10.000.000 đồng cùng Lùng Thị D đi đến nhà người quen ở khu vực chợ L1 thuộc xã L1, huyện M, tỉnh Lào Cai vay 25.000.000 đồng. Khoảng 09 giờ cùng ngày, Lùng Thị D và Lù Thị V đón xe khách từ chợ L1 đến bến xe khách thành phố C, sau đó đón xe khách đi thẳng thành phố S để mua ma túy với H1, đến bến xe khách thành phố S khoảng 16 giờ cùng ngày. Tại đây, Lùng Thị D và Lù Thị V đi vào một nhà nghỉ cạnh bến

xe lấy phòng để nghỉ ngơi, đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày khi Lùng Thị D đang ở trong phòng thì H1 gọi điện hướng dẫn Lùng Thị D đến gặp H1 kiểm tra ma túy, còn Lù Thị V cầm tiền ở tại phòng nghỉ. Lùng Thị D đi bộ một mình theo sự hướng dẫn của H1, đi được khoảng 02 km thì gặp H1 đang đứng ở cạnh đường. H1 đưa cho Lùng Thị D 01 viên ma túy màu hồng để kiểm tra. Lùng Thị D cầm viên ma túy và gọi điện cho A miêu tả hình dáng, kích thước, màu sắc để A kiểm tra xem có phải hàng ma túy chuẩn không. Nghe Lùng Thị D miêu tả, A khẳng định với Lùng Thị D là hàng ma túy thật. Sau đó, Lùng Thị D bảo H1 đợi ở chỗ cũ để Lùng Thị D quay về nhà nghỉ lấy tiền chỗ Lù Thị V đang cất giữ trả cho H1. Về đến phòng nghỉ Lù Thị V đưa cho Lùng Thị D 31.000.000 đồng và bảo số tiền 4.000.000 đồng còn lại để ăn uống, sinh hoạt và tiền xe đi lại. Lùng Thị D đồng ý và bảo Lù Thị V đợi ở phòng nghỉ để Lùng Thị D đi mua ma túy. Lùng Thị D cầm tiền rồi đi bộ ra chỗ H1 đang đợi đưa cho H1 31.000.000 đồng và bảo H1 cho nợ 4.000.000 đồng, khi nào bán ma túy xong sẽ trả nốt. H1 đồng ý, đồng thời đưa cho Lùng Thị D 01 túi nylon màu đen và nói với Lùng Thị D bên trong có 07 túi ma túy, mỗi túi có 200 viên ma túy. Lùng Thị D nhận túi ma túy cất giấu vào trong túi áo khoác đang mặc trên người rồi đi bộ quay về nhà nghỉ. Đến phòng nghỉ khoảng 20 giờ cùng ngày, Lùng Thị D đưa túi ma túy cho Lù Thị V cất giấu vào trong cặp quần phía trước bụng. Sau đó, Lùng Thị D và Lù Thị V đi ngủ. Khoảng 05 giờ ngày 28/5/2017, Lù Thị V đưa túi ma túy cho Lùng Thị D cất giấu vào trong túi áo khoác mặc trên người rồi hai mẹ con cùng nhau ra bến xe thành phố S đón xe khách đi thành phố T2 rồi đón xe khách đi tiếp lên thành phố L, khoảng 21 giờ cùng ngày. Lùng Thị D và Lù Thị V xuống xe đi vào bến xe Y thành phố L thuê phòng tại nhà nghỉ P. Tại phòng ngủ, Lùng Thị D gọi điện báo cho A biết Lùng Thị D đã đến thành phố L và bảo A đến gặp mua ma túy thì A nói bận và hẹn hôm sau đến mua.

Khoảng 07 giờ ngày 29/5/2017, A gọi điện thoại bảo Lùng Thị D mang ma túy đến nhà nghỉ B1, thị trấn Đ, huyện E, tỉnh Lạng Sơn để giao tiền và giao ma túy. Khi hai mẹ con Lùng Thị D lên đến phòng 305 nhà nghỉ, Lùng Thị D điện thoại gặp A thì được A cho biết đang chờ ở phòng 304 và bảo Lùng Thị D đem mẫu ma túy sang để cho A xem. Sau khi xem xong, A nói với Lùng Thị D đó là hàng ma túy chuẩn, đồng thời bảo Lùng Thị D đem số ma túy còn lại đến để A mua. Lùng Thị D quay trở lại phòng 305 lấy 06 túi ma túy còn lại đưa cho A cầm và nói với A phải trả tiền cho Lùng Thị D là 168.000.000 đồng. A đồng ý và lấy tiền trong túi ra đếm, không đủ tiền nên A đã đưa 07 túi ma túy cho Lùng Thị D cầm và bảo Lùng Thị D đợi ở phòng 304 để A đi lấy tiền. Một lúc sau khi A đi ra khỏi phòng 304 thì Tổ Công tác Biên phòng đến phòng 304 kiểm tra phát hiện Lùng Thị D đang cầm trên tay 07 túi ma túy tổng hợp và yêu cầu Lùng Thị D mở các túi đựng ma túy ra kiểm đếm có 1.390 viên nén màu hồng và xanh. Kiểm tra phòng 305 thì phát hiện Lù Thị V đang có mặt trong phòng. Tổ Công tác Biên phòng đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lùng Thị D và Lù Thị V và thu giữ tang vật.

Tại bản kết luận giám định số 209/KL-PC54 ngày 31/5/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn, kết luận: “Các viên nén màu xanh và

viên nén màu hồng bề mặt có chữ “WY” gửi giám định đều là chất ma túy Methamphetamine, có tổng trọng lượng 140,680 gam (đã trừ bì)”.

Đối với đối tượng có tên là H1 bán ma túy cho Lùng Thị D và đối tượng tên A người Trung Quốc mua ma túy với Lùng Thị D, do không rõ họ, địa chỉ, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để tiến hành điều tra làm rõ truy cứu trách nhiệm hình sự.

Với nội dung nêu trên, tại bản cáo trạng số: 05/VKS-P1 ngày 01/02/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Lùng Thị D và Lù Thị V tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm e khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo Lùng Thị D khai nhận: Việc đi vay tiền với người quen để mua ma túy có mẹ đi cùng nhưng bị cáo là người viết giấy vay nợ. Sau đó bị cáo rủ mẹ đi tỉnh Lạng Sơn thăm quan Chùa T3, mẹ bị cáo không biết gì và không liên quan gì đến việc mua bán ma túy của bị cáo. Về lời khai nhận tội tại Biên phòng và Cơ quan điều tra, bị cáo cho rằng do mới bị bắt bị cáo hoang mang, mặt khác bị cáo bị cán bộ Biên Phòng đánh, ép cung, buộc bị cáo phải khai phù hợp với những gì Lù Thị V đã khai.

Bị cáo Lù Thị V khai nhận: Ngày 27/5/2017 Lùng Thị D nói đi mua quả mận về chợ F bán, bị cáo do lo sợ con gái còn ít tuổi ra ngoài sẽ bị người ta lừa bán sang Trung Quốc, nên bị cáo đi theo con gái nhằm bảo vệ cho con gái, chứ không biết gì về việc mua bán ma túy của Lùng Thị D. Việc đi vay tiền và giao dịch mua bán ma túy như thế nào bị cáo không biết. Về lời khai nhận tội tại Cơ quan điều tra, bị cáo cho rằng do khi mới bị bắt bị cáo tư tưởng không ổn định nên đã khai báo không đúng sự thật để cán bộ Biên phòng không đánh. Nay bị cáo cho rằng những lời khai nhận tội trước đó là không đúng sự thật, yêu cầu hủy bỏ. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét minh oan cho bị cáo, để bị cáo trở về lao động nuôi con.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Sau khi đánh giá các chứng cứ của vụ án, đại diện Viện Kiểm sát cho rằng có đủ căn cứ quy kết bị cáo Lù Thị V là đồng phạm trong vụ án với các căn cứ: Lù Thị V là người đi vay tiền và đưa cho con gái là Lùng Thị D để mua ma túy đem sang tỉnh Lạng Sơn bán. Sau khi Lùng Thị D mua được ma túy đem về đưa cho Lù Thị V cất giấu, đến hôm sau Lù Thị V lại đưa cho Lùng Thị D cầm vận chuyển lên tỉnh Lạng Sơn. Tại nhà nghỉ B1 ở thị trấn Đ, huyện E, tỉnh Lạng Sơn Lù Thị V lại cầm số ma túy trên, khi có khách đến xem và mua thì Lùng Thị D đã đi từ phòng 304 sang phòng 305 để lấy ma túy với Lù Thị V đem bán thì bị bắt quả tang.

Sau khi đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và xem xét vai trò các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lùng Thị D và bị cáo Lù Thị V phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 251; Điều 38; Điều 58; Điều 98; Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Lùng Thị D từ 11 đến 12 năm tù thời hạn tù tính từ ngày bị bắt.

Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 251; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lù Thị V từ 15 đến 16 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý vật chứng, tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Lù Thị V trình bày: Trong vụ án còn có các đối tượng tham gia mua bán ma túy như H1 và A nhưng chưa bị cơ quan chức năng bắt giữ. Tại Cơ quan điều tra ban đầu khi chưa có Luật sư tham gia bị cáo khai nhận hành vi phạm, lời khai nhận đó phù hợp với lời khai ban đầu của bị cáo Lùng Thị D. Tuy nhiên khi có Luật sư tham gia lấy lời khai và tại phiên tòa bị cáo không nhận tội mà cho rằng việc mua bán ma túy do Lùng Thị D tự thực hiện, bị cáo không liên quan đến việc mua bán ma túy của Lùng Thị D, các lời khai trước đó do bị cáo hoang mang, tư tưởng không ổn định nên đã khai báo không đúng sự thật. Do đó Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đánh giá chứng cứ một cách khách quan. Ngoài ra Luật sư còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về điều kiện và hoàn cảnh của gia đình bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội cũng như vai trò của bị cáo trong vụ án chỉ là thứ yếu. Bị cáo không được trực tiếp liên lạc với các đối tượng mua bán ma túy. Bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, trình độ nhận thức pháp luật còn hạn chế. Bị cáo có mẹ để được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến.

Người bào chữa cho bị cáo Lùng Thị D trình bày: Về tội danh mà cáo trạng truy tố đối với bị cáo là đúng, có căn cứ nên không có ý kiến tranh luận. Tuy nhiên về điều luật áp dụng đối với bị cáo là bất lợi, vì theo Bộ luật Hình sự năm 2015 thì số lượng Methamphetamine có khối lượng từ 100 gam trở lên đã bị truy tố theo điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Về hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị với mức án 11 - 12 năm tù là quá nghiêm khắc bởi các lý do sau: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng lạc hậu khó khăn, tại thời điểm phạm tội bị cáo mới được hơn 16 tuổi nên việc nhận thức pháp luật còn hạn chế, trước đó bị cáo chưa có tiền án tiền sự, hậu quả đã được ngăn chặn, tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của bản thân, mặc dù bị cáo có nhận tội thay mẹ nhưng đó là do tâm lý của bị cáo khi thấy mẹ cùng bị truy tố xét xử trong cùng vụ án, bị cáo có bà ngoại được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo điểm s khoản 1; 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức án 10 năm tù giam là thỏa đáng.

Các bị cáo đồng ý với lời bào chữa của các Luật sư, không có tranh luận thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo Lùng Thị D thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân như cáo trạng quy kết. Cụ thể: Bị cáo thừa nhận do hoàn cảnh gia đình khó khăn, hám lợi nhất thời trước mắt để có tiền nuôi các em ăn học bị cáo đã tham gia mua ma túy tổng hợp với một người có tên là H1 với số tiền là 35.000.000 đồng đã trả trước 31.000.000 đồng, thỏa thuận khi nào bán được ma túy về sẽ trả nốt số tiền còn lại. Đối với bị cáo Lù Thị V tại Cơ quan điều tra ban đầu thừa nhận hành vi phạm tội nhưng sau đó phản cung, bị cáo nại ra là mang tiền đi Lạng Sơn để mua quả mận, bị cáo không biết Lùng Thị D đem tiền đi mua ma túy, khi Lùng Thị D bị bắt bị cáo ở tại phòng số 305 của nhà nghỉ B1 còn Lùng Thị D đi đâu bị cáo không biết, sau khi Lùng Thị D đi được một lúc thì bị cáo bị bắt tại phòng nghỉ nhưng không có vật chứng trên người bị cáo, do đó bị cáo cho rằng bản thân không có tội.

[2] Thấy rằng, đây là vụ án bắt quả tang vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 29/5/2017, tại biên bản bắt quả tang (bút lục số 24), ngay khi bị bắt, bị cáo Lùng Thị D và Lù Thị V đã thừa nhận hành vi mua bán ma túy của bản thân tại lời khai này còn có sự chứng kiến của ông Hoàng Kim P1 là nhân viên phục vụ tại nhà nghỉ, các bị cáo đều tự nguyện khai báo không có sự ép cung hay mớm cung và không có bức cung, nhục hình.

[3] Lời khai của bị cáo Lùng Thị D tại các bút lục 101 - 104; 105 - 106 đã thừa nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy, sau các bản cung, bị cáo tự ghi đã tự đọc lại toàn bộ biên bản ghi lời khai và công nhận nội dung trên là đúng sự thật.

[4] Lời khai của bị cáo Lù Thị V tại bút lục 107 - 110, tham gia có người làm chứng bà Trương Thị G là cán bộ của Trung tâm y tế xã T4, huyện V2, tỉnh Lạng Sơn thì bị cáo cũng vẫn tiếp tục thừa nhận hành vi cùng con gái là Lùng Thị D đi mua bán ma túy tại thành phố S mục đích đem lên Lạng Sơn bán kiếm lời.

[5] Tại biên bản hỏi cung ngày 06/7/2017 của bị cáo Lùng Thị D có mặt Luật sư Đinh Công T1 bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân.

[6] Biên bản hỏi cung ngày 22/9/2017, khi có Luật sư tham gia (Bút lục số 136) bị cáo Lù Thị V mới bắt đầu thay đổi lời khai. Bị cáo cho rằng bản thân chỉ được đi cùng con gái sang Lạng Sơn mua quả mận. Toàn bộ các lời khai trước ngày 22/9/2017 là do tinh thần không thoải mái, đầu óc không tỉnh táo nên mới khai như vậy Hội đồng xét xử thấy rằng lời chối tội của Lù Thị V là không có căn cứ.

[7] Bị cáo Lùng Thị D tại phiên tòa cũng thay đổi lời khai, cho rằng Lù Thị V không liên quan đến việc mua bán ma túy. Bị cáo chỉ rủ mẹ lên chùa T3 ở tỉnh Lạng Sơn chơi. Về số tiền đi vay để mua ma túy bị cáo cho rằng bị cáo là

người trực tiếp đi vay và viết giấy nhận nợ. Bị cáo nại rằng do bị ép cung nên trước đó mới khai Lù Thị V liên quan. Hội đồng xét xử thấy rằng chính lời khai của bị cáo Lùng Thị D đã có mâu thuẫn với lời khai của bị cáo Lù Thị V về mục đích của việc vay tiền và mục đích lên Lạng Sơn. Theo bị cáo Lù Thị V thì vay tiền đưa cho Lùng Thị D đi mua quả mận, còn bị cáo Lùng Thị D cho rằng Lùng Thị D tự đi vay tiền, mục đích để thuê cửa hàng bán quần áo và rủ mẹ đi Lạng Sơn thăm quan, lễ Chùa T3. Tuy nhiên bị cáo Lù Thị V lại cho rằng mục đích lên Lạng Sơn không phải đi lễ chùa mà do lo sợ Lùng Thị D bị lừa bán nên bị cáo phải đi theo để bảo vệ. Xét thấy lời chối tội của các bị cáo chỉ mang tính chất quanh co, nhằm chối bỏ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lù Thị V, nên không có căn cứ xem xét.

[8] Xét thấy, quá trình điều tra ban đầu cả hai bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân, khi tiến hành lấy lời khai của Lù Thị V (do bị cáo không biết chữ) còn có sự chứng kiến của bà Trương Thị G. Tại phiên tòa bà Trương Thị G khai việc cơ quan chức năng ghi biên bản theo lời tự khai của Lù Thị V không có sự đe dọa, ép cung, mớm cung như bị cáo trình bày. Như vậy cho thấy quá trình lấy lời khai đối với bị cáo là trung thực, khách quan, không bị ép cung, bức cung. Các lời khai này phù hợp với nhau về không gian, thời gian và phù hợp với diễn biến, quá trình thực hiện hành vi phạm tội, phù hợp với kết luận giám định số 209/KL-PC54 ngày 31/5/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn, kết luận: “Các viên nén màu xanh và viên nén màu hồng bề mặt có chữ “WY” gửi giám định đều là chất ma túy Methamphetamine, có tổng trọng lượng 140,680 gam”. Do đó, có đủ căn cứ xác định ngày 29/5/2017 Lùng Thị D và Lù Thị V đã mang ma túy từ thành phố S đến nhà nghỉ B1, thị trấn Đ, huyện E, tỉnh Lạng Sơn để bán cho người có tên là A, khi đang chuẩn bị giao tiền và giao ma túy thì bị lực lượng Biên phòng tỉnh Lạng Sơn bắt quả tang. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 194 của Bộ luật Hình sự. Như vậy bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội, không oan. Tuy nhiên về áp dụng pháp luật đối với vụ án này thấy rằng: Các bị cáo phạm tội ngày 29/5/2017 (trước 0 giờ 00 phút ngày 01/1/2018) tại thời điểm đó Bộ luật Hình sự năm 2015 chưa có hiệu lực thi hành. Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật Hình sự 2015 thì cần áp dụng Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 để giải quyết vụ án thì mới đảm bảo được nguyên tắc có lợi cho người phạm tội bởi khối lượng ma túy các bị cáo mua bán là 140,680 gam Methamphetamine, nếu áp dụng Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì hành vi phạm tội của các bị cáo phải bị truy tố theo điểm b khoản 4 Điều 251 có khung hình phạt tù từ 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Còn tại điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 có khung hình phạt tù từ 15 năm đến 20 năm.

[9] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ tác hại của ma túy nhưng vì động cơ vụ lợi vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi đó của các bị cáo đã vi phạm chính sách pháp

luật của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, gieo rắc tệ nạn xã hội, gây tác hại xấu đến sức khỏe con người, gây mất ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Bởi vậy, đối với các bị cáo cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra để nhằm mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[10] Xét thấy đây là vụ án có đồng phạm nhưng tính chất đồng phạm giản đơn, vai trò các bị cáo trong vụ án thể hiện: Bị cáo Lùng Thị D đóng vai trò chính. Bị cáo là người khởi xướng, đặt vấn đề tìm nguồn mua ma túy với đối tượng tên H1 và bán cho tên A, còn Lù Thị V đóng vai trò giúp sức cụ thể: Lù Thị V là người đi vay tiền và đưa cho Lùng Thị D 31 triệu đồng để mua ma túy. Khi Lùng Thị D mang ma túy về nhà nghỉ thì Lù Thị V là người cất giấu ma túy vào túi quần lót phía trước bụng đang mặc. Khi đến nhà nghỉ B1 ở Đ, tỉnh Lạng Sơn, Lù Thị V là người cất giấu ma túy. Khi có khách đến mua thì Lù Thị V mới đưa cho Lùng Thị D. Như vậy bị cáo Lù Thị V là người giúp sức trong việc mua bán trái phép chất ma túy của Lùng Thị D, do đó bị cáo Lù Thị V phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm.

[11] Về tình tiết tăng nặng: Ngoài tình tiết định khung hình phạt các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào khác.

[12] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Lùng Thị D quá trình điều tra cơ bản đã thành khẩn khai báo, mặc dù tại phiên tòa chưa thực sự thành khẩn nhưng cơ bản là nhận tội do đó có căn cứ áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, khi phạm tội bị cáo mới được 16 tuổi 2 tháng 23 ngày nên việc nhận thức về pháp luật và hậu quả hành vi nguy hiểm cho xã hội có phần hạn chế. Về mục đích động cơ phạm tội, do nhất thời háms lợi, xét về hoàn cảnh gia đình bị cáo có khó khăn về kinh tế. Do đó khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo.

[13] Bị cáo Lù Thị V thái độ khai báo không thành khẩn. Tuy nhiên, bị cáo có mẹ đẻ là bà Dì Thị X được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo tham gia với vai trò thứ yếu. Xét thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ văn hóa không có nên việc nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Căn cứ Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999, Hội đồng xét xử giảm một phần hình phạt tù cho bị cáo dưới khung hình phạt vẫn đảm bảo được tính nghiêm minh, tính giáo dục và tính khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[14] Về hình phạt bổ sung, qua xác minh, các bị cáo không có tài sản có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[15] Về vật chứng của vụ án, số tang vật là ma túy thu giữ được cần tịch thu tiêu hủy, điện thoại di động của Lùng Thị D dùng để liên lạc mua bán ma túy với các đối tượng khác nên cần tịch thu hóa giá, sung công quỹ Nhà nước.

Điện thoại của bị cáo Lù Thị V do không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[16] Từ những phân tích nêu trên thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn về mức hình phạt đối với bị cáo Lùng Thị D là phù hợp, mức hình phạt đối với bị cáo Lù Thị V có phần nghiêm khắc bởi Lù Thị V tham gia với trò đồng phạm thứ yếu, bị cáo Lù Thị V không phải là người quyết định vấn đề mua bán ma túy. Về xử lý vật chứng: Ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ được chấp nhận.

[17] Hội đồng xét xử chấp nhận một phần lời đề nghị của các Luật sư về tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo, chấp nhận ý kiến của Luật sư Đinh Công T1 về việc áp dụng pháp luật.

[18] Các bị cáo bị kết tội nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, trong vụ án còn có một số đối tượng khác, nhưng cơ quan điều tra truy tố chưa điều tra xác minh làm rõ nên tòa không có căn cứ để xem xét.

[19] Trong quá trình điều tra, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và không có ý kiến khác. Về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã áp dụng điểm e khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 là chưa chính xác, vận dụng chưa đúng tinh thần của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật Hình sự 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lùng Thị D và Lù Thị V phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53; Điều 68; 69; 71; 74 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Lùng Thị D 11 (Mười một) năm tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 29/5/2017.

- Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 194; khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Lù Thị V 13 (Mười ba) năm tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 29/5/2017.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lùng Thị D và Lù Thị V.

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 41 Bộ luật Hình sự 1999; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì của Đoàn Biên phòng CKQT H2 được niêm phong. Mặt trước phong bì tại phần giáp lai mới có chữ ký cùng tên của Giám định viên Hoàng Mạnh H3, trợ lý giám định Bùi Anh T5 và 04 (Bốn) hình dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn. Mặt sau phong bì có chữ ký cùng tên của thành phần tham gia niêm phong gồm: Phạm Trung D1, Hoàng Kim P1, Linh Văn T6, Nguyễn Sơn L1, Lù Thị V, Lùng Thị D, Lưu Quang C1 và 06 (sáu) hình dấu tròn của Công an thị trấn Đ, huyện E, tỉnh Lạng Sơn. Bên trong phong bì có 136,560 gam Methamphetamine.

- Tịch thu hóa giá sung công quỹ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu trắng, số IMEI 1: *****283, bên trong có lắp 02 sim số thuê bao *****747 và *****827, vỏ nắp sau máy bị vỡ, máy cũ đã qua sử dụng.

- Trả cho bị cáo Lù Thị V: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Zentel màu đen, số IMEI 1: *****521, bên trong có lắp 02 sim số thuê bao *****503 và *****124, máy cũ đã qua sử dụng.

(Các vật chứng trên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/2/2018 giữa Cơ quan điều tra và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn).

4. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lùng Thị D và Lù Thị V mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, báo cho các bị cáo có quyền kháng cáo bản án, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02/4/2018).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp;
- PC81B, PV27 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo (qua Trại giam);
- Người tham gia tố tụng khác;
- HCTP, KTNV&THA;
- Lưu hồ sơ; Tòa Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Nguyễn Phìn